

Bản án số: 437/2017/DSST

Ngày: 06/9/2017

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

-Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Xuân Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Trần Thị Mỹ Hồng

2/Ông Trần Văn Duy

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương –Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bạch Ngọc Hiếu –Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 273/2016/TLST –DS ngày 20/6/2016 v/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 185/2017/QĐXXST –DS ngày 10/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 118/2017/QĐST –DS ngày 09/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Viễn P – Sinh năm: 1979

Trú tại: 1560/2/5/4 Tỉnh lộ 10, khu phố 3, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh –Có mặt.

Bị đơn: 1/Ông Bùi Đình N –Vắng mặt.

2/Bà Võ Thị Ph –Vắng mặt.

Trú tại: 229/58 Liên khu 4 -5, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2016, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Viễn P, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát thì vụ án có nội dung như sau:

**Ông Nguyễn Viễn P -là nguyên đơn trình bày:*

Ông làm nghề buôn bán tự do (không có đăng ký kinh doanh) các mặt hàng như nồi niêu, xoong chảo, nồi nấu lẩu, thau, dao, bếp gas mini... Giữa ông và ông Bùi Đình N cùng vợ là Võ Thị Ph có mối quan hệ quen biết. Ông N và bà Ph có công ty kinh doanh nhiều mặt hàng, trong đó có các mặt hàng trên. Do đó khi ông N, bà Ph đặt hàng thì ông đi lấy hàng về giao lại để kiếm lời.

Hai bên mua bán hàng hóa với nhau không có ký hợp đồng gì. Khi ông N, bà Ph có nhu cầu mua hàng gì thì chỉ cần điện thoại là ông chở hàng đến giao và ông N hoặc bà Ph ký nhận hàng, sau đó ông N, bà Ph trả tiền hàng và xác nhận công nợ với nhau. Đến ngày 05/12/2012 ông và ông N chốt nợ, theo giấy chốt nợ thì ông N còn nợ của ông 9.695.000 đồng tiền hàng.

Sau đó ông N, bà Ph nhiều lần yêu cầu ông giao các mặt hàng để kinh doanh. Cụ thể từ ngày 07/12/2012 đến ngày 27/01/2013 ông đã giao cho ông N, bà Ph tổng cộng 1.745 mặt hàng các loại với tổng số tiền hàng là 81.917.000 đồng. Quá trình giao số mặt hàng này thì ông N, bà Ph có trả cho ông một số tiền và ông có ký xác nhận nhận tiền nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu vì mỗi lần ông N, bà Ph giao tiền ông chỉ ký nhận có một tờ và ông N, bà Ph giữ tờ ký nhận này. Ông đã nhiều lần yêu cầu ông N, bà Ph chốt lại số tiền hàng còn nợ nhưng cả hai đều từ chối không thực hiện. Do đó ông cũng không xác định được chính xác trong số 81.917.000 đồng của các lần giao hàng sau thì ông N, bà Ph đã trả được bao nhiêu, nhưng ông khẳng định ông N, bà Ph mới trả được một phần nhỏ trong số tiền trên.

Do ông N, bà Ph không đồng ý chốt nợ và không chịu trả tiền hàng cho ông nên ông yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông N, bà Ph phải trả cho ông số tiền hàng chưa chốt nợ là 81.917.000 đồng và số tiền ông N đã chốt nợ với ông là 9.695.000 đồng. Tổng số tiền ông yêu cầu ông N, bà Ph phải trả là 91.612.000 đồng. Đồng thời ông yêu cầu ông N, bà Ph phải trả tiền lãi của số tiền trên theo mức lãi suất 150% lãi suất cơ bản do pháp luật quy định từ ngày 05/12/2012 đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Viễn P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, ông P chỉ yêu cầu ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph phải thanh toán số tiền hàng còn nợ theo giấy chốt nợ là 9.695.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Ông xin rút lại yêu cầu buộc ông N, bà Ph phải thanh toán số tiền 81.917.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thông báo văn bản tố tụng, tiến hành tổng đạt, ra thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như thủ tục khai mạc phiên tòa...

Về nội dung vụ án Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph phải thanh toán số tiền hàng còn nợ theo giấy chốt nợ là 9.695.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông N, bà Ph phải thanh toán số tiền 81.917.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về pháp luật tố tụng:

-Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân căn cứ theo quy định tại điều 26, khoản 1 điều 35, điều 36, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về áp dụng pháp luật: Theo như lời trình bày của ông Nguyễn Viễn P thì giữa ông và ông Bùi Đình N, bà Võ Thị Ph có quan hệ làm ăn mua bán hàng hóa vì mục đích lợi nhuận. Tuy nhiên theo như ông P trình bày thì ông chỉ buôn bán tự do, không có đăng ký kinh doanh, đồng thời ông N, bà Ph đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt và không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Do đó Tòa án không có căn cứ thụ lý vụ án theo thủ tục của vụ án kinh doanh thương mại và xác định giải quyết vụ án theo thủ tục của vụ án dân sự là phù hợp.

-Về cấp, tổng đạt văn bản tố tụng: Căn cứ kết quả xác minh ngày 20/7/2016 của công an phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân thì ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph hiện đang tạm trú tại địa chỉ 229/58 Liên khu 4 -5, khu phố 5, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph nhưng cả hai đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ theo như lời trình bày của ông Nguyễn Viễn P thì ông làm nghề buôn bán tự do (không có đăng ký kinh doanh) các mặt hàng như nồi niêu, xoong chảo, nồi nấu lẩu, thau, dao, bếp gas mini... Giữa ông P và ông N, bà Ph có mối quan hệ quen biết. Ông N và bà Ph có công ty kinh doanh nhiều mặt hàng, trong đó có các mặt hàng trên. Do đó khi ông N, bà Ph đặt hàng thì ông đi lấy hàng về giao lại để kiểm lời. Hai bên mua bán hàng hóa với nhau không có ký hợp đồng gì. Khi ông N, bà Ph có nhu cầu mua hàng gì thì chỉ cần điện thoại là ông P chở hàng đến giao và ông N hoặc bà Ph ký nhận hàng, sau đó ông N, bà Ph trả tiền hàng và xác nhận công nợ với nhau.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N, bà Ph yêu cầu có mặt để hòa giải xác nhận việc mua bán hàng hóa giữa các bên nhưng ông

N, bà Ph không có mặt và cũng không có văn bản hay ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó ông N, bà Ph phải gánh chịu mọi hậu quả pháp lý bất lợi (nếu có) do việc không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như vắng mặt khi được Tòa án triệu tập.

Căn cứ giấy công nợ chót ngày 05/12/2012 có chữ ký ghi tên Nguyễn Viễn P và Bùi Đình N có cơ sở xác định giữa ông P và ông N, bà Ph có mua bán hàng hóa với nhau. Trên giấy công nợ chót có chữ ký ghi tên Nguyễn Viễn P và Bùi Đình N nên có cơ sở xác định ông Bùi Đình N còn nợ tiền hàng của ông Nguyễn Viễn P với số tiền là 9.695.000 đồng. Nay đã hết thời hạn thanh toán từ lâu nhưng ông N, bà Ph không thực hiện việc trả tiền gây thiệt hại về kinh tế cho ông P. Do đó việc ông P yêu cầu ông N, bà Ph phải thanh toán số tiền hàng còn nợ theo giấy chót nợ ngày 05/12/2012 là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận.

*Về yêu cầu tiền lãi của số tiền chậm thanh toán:

Căn cứ khoản 2 điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ thì trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do N hàng nhà nước quy định công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Như vậy việc ông P yêu cầu ông N, bà Ph phải trả lãi đối với số tiền chậm trả từ ngày 05/12/2012 đến ngày Tòa án xét xử theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định là có căn cứ nên hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ quyết định số 2868/QĐ – NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm – tương đương 0,75%/tháng, 0,025%/ngày. Như vậy số tiền lãi ông N, bà Ph có nghĩa vụ trả cho ông P là $9.695.000 \text{ đồng} \times (57 \text{ tháng} \times 0,75\%/\text{tháng}) + 9.695.000 \text{ đồng} \times (01 \text{ ngày} \times 0,025\%/\text{ngày}) = 4.144.600 \text{ đồng (làm tròn)} + 2.400 \text{ đồng (làm tròn)} = 4.147.000 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng số tiền ông N, bà Ph có trách nhiệm trả cho ông P là 9.695.000 đồng + 4.147.000 đồng = 13.842.000 đồng, buộc trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu trả số tiền 81.917.000 đồng tại phiên tòa ông P xin rút yêu cầu. Xét đề nghị của ông P là phù hợp, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ với yêu cầu này.

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Ông Nguyễn Viễn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông P số tiền tạm ứng án phí 4.821.625 đồng mà ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0391 ngày 17/6/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Tân.

-Ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph phải chịu $13.842.000 \times 5\% = 692.100$ đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điều 36, điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điều 170, điều 175, điều 179, điều 203, điều 227, điều 228, điều 266, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ điều 428, điều 429, , điều 431, điều 438, điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005.

-Căn cứ điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

-Căn cứ Nghị quyết 326/NQ –UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014.

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Viễn P đối với ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph:

1.1/Buộc ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Viễn P số tiền 13.842.000 (mười ba triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn) đồng, trong đó số tiền hàng chưa thanh toán là 9.695.000 (chín triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn) đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 4.147.000 (bốn triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn) đồng. Buộc trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2/ Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

1.3/Các bên thi hành án tại Chi cục thi hành án dân sự hoặc Văn phòng thừa phát lại có thẩm quyền.

2/Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Viễn P về việc buộc ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph phải thanh toán số tiền 81.917.000 (tám mươi một triệu chín trăm mười bảy ngàn) đồng do ông P rút yêu cầu.

3/Về án phí Dân sự sơ thẩm:

3.1/Ông Nguyễn Viễn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông P số tiền tạm ứng án phí 4.821.625 (bốn triệu tám trăm hai mươi một ngàn sáu trăm hai mươi lăm) đồng mà ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0391 ngày 17/6/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Bình Tân.

3.2/Ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph phải chịu 692.100 (sáu trăm chín mươi hai ngàn một trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4/Ông Nguyễn Viễn P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Đình N và bà Võ Thị Ph có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5/Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích quy định về quyền yêu cầu thi hành án cho đương sự có mặt)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân.
- Chi cục THADS Q. Bình Tân.
- Người tham gia tố tụng
- LưuVP, HS

(Đã ký)

Chu Xuân Quyền